

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGẮN KQKD Q3/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT | ANV (HOSE)

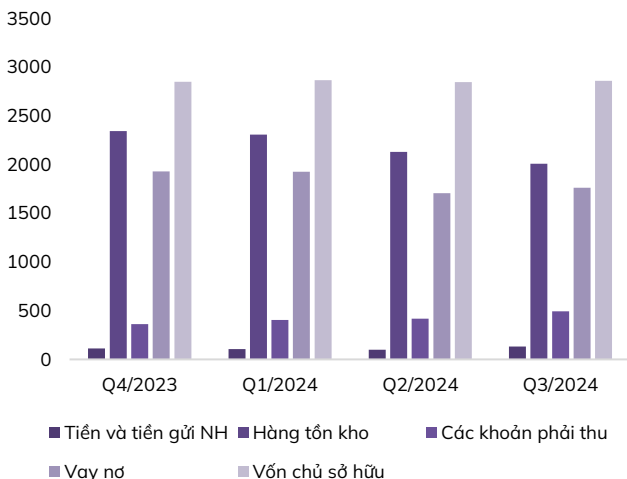
Ngày 20/11/2024

Analyst: Kiều Thị Thanh Thư

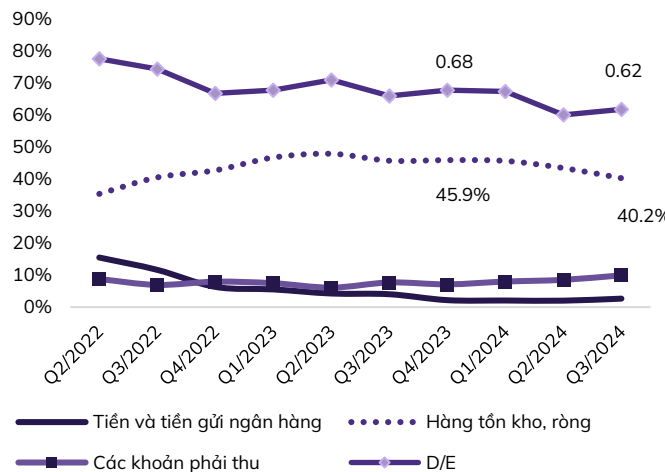
Kết quả kinh doanh tóm tắt	Q3/2024	Q3/2023	%svck	9T2024	9T2023	%svck	Nhận xét
Doanh thu thuần	1.341	1.099	22,0%	3.550	3.328	6,7%	DTT Q3/2024 tăng 22% svck, lũy kế tăng 6,7% svck do DT các mảng kinh doanh đều tăng.
- XK thành phẩm	909	743	22,3%	2.188	2.174	0,6%	DT xuất khẩu Q3/2024 tăng 22,3% svck do nhu cầu của các thị trường xuất khẩu khả quan.
- DT thành phẩm nội địa	401	328	22,3%	1.265	1.058	19,6%	DT thị trường trong nước cũng tích cực với tăng trưởng 22,3% svck trong Q3/2024, lũy kế tăng trưởng 19,6%.
- DT bán năng lượng mặt trời	27	26	3,9%	84	82	2,6%	DT từ bán điện mặt trời của ANV ổn định
- DT công trình xây lắp				2	3	-48,4%	
- DT khác	5	2	95,7%	11	11	-1,8%	
Lợi nhuận gộp	173	85	103,6%	422	336	25,4%	Lợi nhuận gộp Q3/2024 tiếp tục được cải thiện rõ rệt khi giá vốn tiếp tục được duy trì ở mức thấp. Tăng trưởng biên lợi nhuận tốt so với mức nền thấp của Q2&3/2023.
Biên lợi nhuận gộp (%)	12,9%	7,7%		11,9%	10,1%		
Chi phí bán hàng	(82)	(38)	118,5%	(185)	(135)	37,5%	Chi phí bán hàng Q3/2024 tăng mạnh 118,5% svck do chi phí vận chuyển vẫn neo ở mức rất cao do những căng thẳng, bất ổn chính trị tiếp tục ảnh hưởng đến giá nhiên liệu và tuyến đường vận chuyển. Lũy kế 9T2024, chi phí bán hàng tăng 37,5% svck.
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(20)	(16)	25,3%	(65)	(58)	11,9%	Chi phí QLDN Q3/2024 tăng 25,3%; lũy kế 9T tăng 11,9%, cao hơn mức tăng trưởng doanh thu.
Chi phí BH&QLDN/DTT	-7,6%	-4,9%		-7,0%	-5,8%		
Doanh thu hoạt động tài chính	2	8	-71,0%	18	25	-26,7%	Doanh thu HĐ tài chính giảm đến từ cả lãi suất và lượng tiền gửi ngắn hạn giảm, cùng với đó, lãi chênh lệch tỷ giá Q3/2024 cũng không ghi nhận cao như cùng kỳ năm ngoái
Chi phí tài chính	(28)	(36)	-22,0%	(80)	(119)	-32,6%	Chi phí tài chính giảm cũng đến từ cả 2 yếu tố: lãi suất và dư nợ vay. Cả 2 yếu tố đều giảm dẫn đến chi phí tài chính của doanh nghiệp giảm đáng kể.
Trong đó: Chi phí lãi vay	(20)	(29)	-30,1%	(69)	(105)	-34,3%	
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	45	3	1193,0%	108	48	124,5%	
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	37	7	423,0%	65	63	2,2%	
LNST cổ đông công ty mẹ	28	1	2583,0%	42	42	0,3%	LNST cổ đông công ty mẹ tăng trưởng mạnh so với mức nền cực thấp của Q3/2023, tuy nhiên lũy kế LNST 9T của CĐ công ty mẹ chỉ đi ngang svck.
Biên lợi nhuận ròng (%)	2,1%	0,1%		1,2%	1,3%		

Nguồn: ANV, ABS Research

Bảng tài sản, nguồn vốn: các hạng mục chính

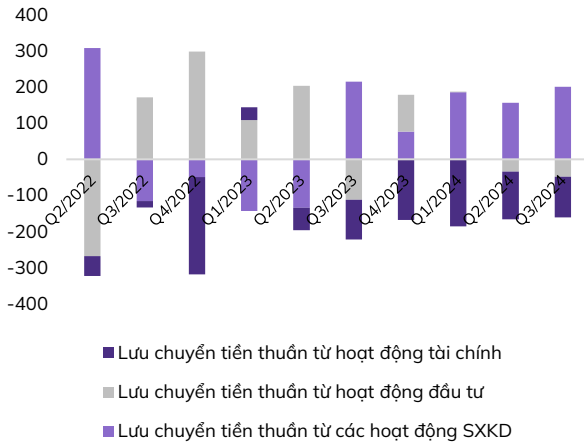


Bảng tài sản: Tỷ trọng các hạng mục so với Tổng tài sản (%)



Nguồn: ANV, ABS Research

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)



Nhận xét

- Tổng tài sản Q3/2024 đạt 4.988 tỷ đồng, giảm nhẹ 2,4% sv đầu năm.
- Lượng tiền và tiền gửi ngắn hạn của ANV rất thấp, chỉ đạt 132 tỷ Q3/2024, tăng 27 tỷ sv đầu năm và chỉ chiếm 2,7% TTS.
- Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong TTS với 40,2%. Giá trị HTK cuối Q3/2024 đạt 2.007 tỷ, giảm 14,3% sv đầu năm, trong đó giảm mạnh thành phẩm và sản phẩm dở dang, tăng nhẹ nguyên vật liệu cho thấy tình hình bán hàng của doanh nghiệp đang tích cực.
- Các khoản phải thu đạt 495 tỷ, tăng 36,2% so với đầu năm, tuy nhiên tỷ trọng khoản phải thu chỉ chiếm 9,9% TTS.
- Tổng vay nợ của ANV Q3/2024 ở mức 1.763 tỷ, giảm 8,6% so với đầu năm, và chiếm 35,3% nguồn vốn. Trong khi đó vốn chủ sở hữu của ANV không biến động nhiều, đạt 2.858 tỷ. Tỷ lệ D/E ở mức thấp 0,62, giảm nhẹ so với đầu năm.
- Dòng tiền thuần từ HĐ SXKD của ANV tích cực khi ghi nhận dương 5 quý liên tiếp, tiếp tục tài trợ cho hoạt động đầu tư và chi trả cổ tức và nợ vay.

Nguồn: ANV, ABS Research

Đánh giá

- Chúng tôi cho rằng triển vọng doanh thu Q4/2024 của ANV vẫn tích cực nhờ thị trường Trung Quốc và Mỹ đã cho thấy sự hồi phục và nhu cầu thực phẩm tăng cao trong mùa lễ hội cuối năm. Tuy nhiên chi phí vận chuyển vẫn chưa có dấu hiệu giảm sẽ tiếp tục bào mòn phần lớn lợi nhuận của ANV.

PHỤ LỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA ANV

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	3,439	3,494	4,897	4,439
Giá vốn hàng bán	(2,954)	(2,941)	(3,561)	(3,992)
Lợi nhuận gộp	485	553	1,336	447
Doanh thu tài chính	43	41	80	32
Chi phí tài chính	(80)	(115)	(188)	(165)
Chi phí bán hàng	(185)	(281)	(378)	(188)
Chi phí QLDN	(57)	(56)	(94)	(76)
Lợi nhuận từ HĐKD	205	142	755	47
Lãi/lỗ khác	(1)	(0.4)	(2.4)	(2.3)
Lợi nhuận trước thuế	240	151	774	64
Lợi nhuận sau thuế	202	129	674	39
LNST cổ đông Công ty mẹ	202	129	674	39

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
LCT thuần từ HĐKD	(30)	250	266	(82)
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(205)	(300)	57	416
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	254	49	(334)	(326)
LCT thuần trong kỳ	19	(1)	(11)	9
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	25	44	43	31
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	44	43	31	40

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1.19	1.25	1.35	1.40
Khả năng thanh toán nhanh	0.20	0.18	0.19	0.19
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.02	0.02	0.01	0.02
Khả năng thanh toán lãi vay	3.92	2.10	8.21	1.34
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.48	0.48	0.53	0.56
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.52	0.52	0.47	0.44
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0.79	0.88	0.67	0.68
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	39.16	34.87	27.80	31.72
Số ngày phải trả	39.01	39.06	24.33	20.59
Số ngày tồn kho	215.72	228.87	211.43	215.15
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	14.1%	15.8%	27.3%	10.1%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	6.0%	4.1%	15.4%	1.1%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	5.9%	3.7%	13.8%	0.9%
ROE	8.6%	5.5%	25.8%	1.4%
ROA	4.5%	2.6%	13.0%	0.7%
ROIC	1.0%	0.8%	2.4%	1.5%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	44	43	31	40
+ Đầu tư ngắn hạn	321	646	358	72
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	432	381	435	369
+ Hàng tồn kho	1,900	1,780	2,333	2,347
+ Tài sản ngắn hạn khác	87	67	98	123
Tài sản ngắn hạn	2,784	2,917	3,255	2,951
+ Các khoản phải thu dài hạn	11	13	23	33
+ Tài sản cố định	1,019	1,046	1,102	1,032
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	784	779	896	918
+ Đầu tư dài hạn	147	30	76	72
+ Tài sản dài hạn khác	90	103	115	108
Tài sản dài hạn	2,050	1,971	2,213	2,162
Tổng Tài sản	4,834	4,887	5,468	5,113
+ Vay ngắn hạn	1,682	1,838	1,769	1,784
+ Phải trả người bán	432	198	277	173
+ Nợ ngắn hạn khác	226	301	371	146
Nợ ngắn hạn	2,339	2,337	2,418	2,103
+ Vay dài hạn	159	210	153	145
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	2	5	15	17
Nợ dài hạn	161	215	168	162
Tổng nợ phải trả	2,500	2,552	2,585	2,265
+ Vốn cổ phần	1,275	1,275	1,275	1,335
+ Thặng dư vốn cổ phần	21	21	21	21
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,065	1,066	1,613	1,519
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	2,334	2,336	2,882	2,848
Tổng cộng nguồn vốn	4,834	4,887	5,468	5,113

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2020	2021	2022	2023
Tăng trưởng doanh thu	-23.3%	1.6%	40.1%	-9.3%
Tăng trưởng LNST	-71.1%	-36.8%	410.9%	-91.7%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-71.3%	-36.3%	423.3%	-94.2%
Tăng trưởng EPS	-71.3%	-36.3%	423.3%	-94.4%
Tăng trưởng VCSH	0.0%	0.0%	0.0%	4.7%
Tăng trưởng Tổng tài sản	16.9%	1.1%	11.9%	-6.5%

Định giá (lần)	2020	2021	2022	2023
P/E	17.73	28.93	5.61	112.78
P/B	1.54	1.59	1.31	1.55
EV/EBITDA	16.18	16.91	5.76	21.18
EV/Sales	1.56	1.64	1.16	1.42
EPS (đồng/cp)	1,585	1,009	5,283	293
BVPS (đồng/cp)	18,300	18,313	22,598	21,326

Nguồn: Fiiopro, ABS Research

GIỚI HẠN CỦA BÁO CÁO VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

- 1) Các thông tin định giá trong báo cáo này chỉ nhằm tư vấn đánh giá tín dụng cho cổ phiếu và sử dụng cho các mục đích nội bộ của CTCP Chứng khoán An Bình ("Chúng tôi"). Báo cáo này không bao gồm hàm ý định giá giá trị doanh nghiệp và được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.
- 2) Kết quả đánh giá tín dụng chỉ phản ánh giá trị của tài sản tại thời điểm đánh giá.
- 3) Mặc dù tất cả thông tin trình bày trong báo cáo này được thu thập hoặc phát triển từ nguồn thông tin công khai mà Chúng tôi cho là đáng tin cậy, (các) tác giả của báo cáo này, CTCP Chứng khoán An Bình hay thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ hay nhân viên của CTCP Chứng khoán An Bình không đưa ra bất kỳ tuyên bố, cam đoan hay bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, về sự chính xác, tính trung thực hay sự đầy đủ của các thông tin đó.
- 4) Không có bên nào khác được quyền căn cứ vào bất kỳ phần nào của bản báo cáo của Chúng tôi hay các thông tin liên quan trừ khi được cho phép bằng văn bản của Chúng tôi. CTCP Chứng khoán An Bình không chịu bất cứ trách nhiệm nào xảy ra từ việc sử dụng trái phép báo cáo.